

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

Thời Gian: 13H00 - 20/12/2015

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	NGÀY SINH	ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP		GHI CHÚ
						SỐ	CHỮ	
1	1810226267	Võ Trâm	Anh	K18QCD	02/05/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
2	1811223956	Nguyễn Đức	Cảnh	K18QCD	01/01/1994	7.0	Bảy	
3	171578764	Trần Long Bảo	Châu	K18QCD	16/06/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
4	1810224611	Lý Thị	Hà	K18QCD	28/03/1994	7.0	Bảy	
5	1811225067	Lại Ngọc Trung	Hiếu	K18QCD	26/03/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
6	1810225796	Lã Thị Thanh	Hoa	K18QCD	21/08/1994	7.0	Bảy	
7	171578763	Lê Nhật	Hùng	K18QCD	19/12/1993	8.0	Tám	
8	171575531	Hoàng Minh	Hướng	K17QCD	22/10/1993	9.0	Chín	
9	1811224618	Huỳnh Trần Tấn	Lâm	K18QCD	18/02/1993	8.0	Tám	
10	1810225568	Lê Thị Thanh	Lan	K18QCD	30/06/1994	9.0	Chín	
11	1811225066	Lê	Luật	K18QCD	02/02/1994	7.0	Bảy	
12	1810223955	Phạm Thị	Lý	K18QCD	11/02/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
13	1810223954	Nguyễn Thị Ly	Na	K18QCD	24/04/1994	9.0	Chín	
14	171575616	Trương Quang	Phát	K17QCD	23/12/1993	2.0	Hai	
15	1810225581	Lê Thị Hoài	Phương	K18QCD	13/01/1994	2.0	Hai	
16	1811226396	Võ Minh	Tấn	K18QCD	20/05/1993	9.5	Chín phẩy Năm	
17	171326781	Hoàng Thị Hoài	Thu	K18QCD	05/11/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
18	1810223789	Nguyễn Thị	Tiên	K18QCD	27/10/1994	2.0	Hai	
19	1810223786	Nguyễn Thị Thu	Trang	K18QCD	29/06/1993	0.0	Không	
20	171135839	Nguyễn Tấn	Tuấn	K18QCD	19/03/1993	9.0	Chín	
21	1811224626	Nguyễn Thoại	Tỷ	K18QCD	08/06/1994	6.0	Sáu	
22	171195421	Nguyễn Tư	Chung	K17ACD	13/11/1992	7.0	Bảy	
23	1810416569	Trần Viết	Ngà	K18ACD	21/12/1994	7.0	Bảy	
24	171195438	Võ Thành	Nhân	K17ACD	26/11/1993	8.0	Tám	
25	1810416399	Phạm Thị Như	Quỳnh	K18ACD	11/08/1994	8.0	Tám	
26	171216348	Dương	Thành	K18ACD	16/10/1992	8.0	Tám	
27	1810415589	Hồ Thị Thu	Thảo	K18ACD	10/10/1993	3.0	Ba	
28	1811416170	Nguyễn Đức	Trọng	K18ACD	11/09/1994	9.0	Chín	
29	1811416503	Nguyễn Văn	Vinh	K18ACD	01/10/1994	8.0	Tám	
30	171195460	Nguyễn Phan Hoàng	Vũ	K17ACD	22/04/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
31	171136395	Đinh Hữu Trường	Giang	K17CMU_T	11/05/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
32	1811115496	Nguyễn Bá	Hậu	K18CMU-T	25/12/1994	7.0	Bảy	
33	1811114527	Nguyễn Ngọc	Hậu	K18CMU-T	20/11/1994	7.5	Bảy phẩy Năm	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

34	171136401	Lê Duy	Hoàng	K17CMU_T	05/02/1993	6.0	Sáu	
35	1811116566	Võ Duy	Hùng	K18CMU-T	05/08/1994	8.0	Tám	
36	1811114521	Ứng Quang	Huy	K18CMU-T	12/08/1994	7.0	Bảy	
37	1811114531	Hà Bửu	Lân	K18CMU-T	28/05/1994	7.0	Bảy	
38	1811116534	Tạ Văn	Long	K18CMU-T	05/05/1994	3.5	Ba phẩy Năm	
39	1811114515	Đỗ Văn	Nhật	K18CMU-T	01/10/1994	4.0	Bốn	
40	1811115499	Nguyễn Công	Son	K18CMU-T	14/02/1994	7.5	Bảy phẩy Năm	
41	1811115500	Nguyễn Công	Thành	K18CMU-T	24/06/1994	6.5	Sáu phẩy Năm	
42	1811113935	Lê Vĩnh	Thịnh	K18CMU-T	05/07/1994	6.5	Sáu phẩy Năm	
43	1811115927	Phạm Huy	Thịnh	K18CMU-T	20/04/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
44	1810113741	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K18CMU-T	07/03/1994	4.0	Bốn	
45	161135999	Lâm Nam	Tri	K16CMU_T	25/06/1992	4.0	Bốn	
46	1811115495	Võ Tá	Trung	K18CMU-T	11/12/1993	2.7	Hai phẩy Bảy	
47	171155242	Đặng Thanh	Cường	K17ECD	24/05/1992	6.0	Sáu	
48	1811614442	Bùi Trung	Vỹ	K18ECD	03/04/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
49	1810215771	Thái Thị Phương	Dung	K18KCD	31/07/1993	7.0	Bảy	
50	1811215018	Nguyễn Đức Đạt	Em	K18KCD	07/05/1993	6.3	Sáu phẩy Ba	
51	171325922	Nguyễn Thị	Hậu	K17KCD	06/09/1993	8.3	Tám phẩy Ba	
52	161325340	Trần Văn	Hiếu	K16KCD	27/12/1992	6.0	Sáu	
53	171325933	Phan Quyết	Hiếu	K17KCD	22/02/1992	7.0	Bảy	
54	1811215465	Võ Tấn	Hùng	K18KCD	10/02/1993	3.0	Ba	
55	1810215453	Hoàng Thị	Hương	K18KCD	14/08/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
56	1810214471	Lê Thị Mỹ	Lệ	K18KCD	22/05/1994	6.0	Sáu	
57	1816217026	Võ Thị	Minh	C18KCDB	06/07/1990	V	Vắng	
58	1816217015	Lâm Thị Ánh	Nga	C18KCDB	05/05/1992	1.5	Một phẩy Năm	
59	171326050	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhu	K17KCD	25/12/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
60	171326085	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	K18KCD	14/06/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
61	161446234	Trương Hoài	Son	K16KCD	30/04/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
62	171326103	Trương Thị Thạch	Thảo	K17KCD	13/10/1993	V	Vắng	
63	171326143	Nguyễn Đặng Phương	Thủy	K17KCD	24/01/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
64	1810215922	Đoàn Võ Anh	Thư	K18KCD	23/10/1994	6.5	Sáu phẩy Năm	
65	1816217028	Hà Thị Ngọc	Trinh	C18KCDB	05/01/1987	6.5	Sáu phẩy Năm	
66	171326187	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	K17KCD	17/07/1993	3.0	Ba	
67	171328829	Lê Thị Bảo	Yên	K18KCD	01/04/1993	6.0	Sáu	
68	1816217023	Lê Thị Hồng	Yến	C18KCDB	22/06/1991	2.0	Hai	
69	1810626510	Trương Thị	An	K18MCD	28/02/1994	V	Vắng	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

70	1810623971	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	K18MCD	25/07/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
71	1810625817	Trịnh Thị Hải	Duyên	K18MCD	01/10/1994	6.5	Sáu phẩy Năm	
72	1810624685	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	K18MCD	30/11/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
73	1810626185	Phan Thị	Hiếu	K18MCD	03/04/1993	2.0	Hai	
74	1811626678	Nguyễn Ngọc	Hòa	K18MCD	23/10/1994	3.0	Ba	
75	1811625816	Lê Phú	Hoàng	K18MCD	08/10/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
76	1810623970	Nguyễn Thị Tiểu	Liên	K18MCD	08/11/1994	9.0	Chín	
77	1810624683	Hoàng Thị Thùy	Linh	K18MCD	04/11/1994	6.5	Sáu phẩy Năm	
78	1811626572	Trần Vĩnh	Tâm	K18MCD	20/05/1993	6.5	Sáu phẩy Năm	
79	1810624690	Hồ Thị Thu	Thảo	K18MCD	02/10/1993	7.0	Bảy	
80	1810214454	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	K18MCD	22/12/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
81	1811626410	Lê Văn	Trường	K18MCD	07/05/1993	9.0	Chín	
82	1810625125	Lê Thị	Vi	K18MCD	30/03/1994	6.0	Sáu	
83	171685304	Trương Thị	Trình	K17NCD	01/01/1993	4.0	Bốn	
84	171325887	Ngô Thị Bích	Diệp	K18NCD	20/04/1993	3.5	Ba phẩy Năm	
85	1810316701	Trần Thị Huyền	Diêu	K18NCD	08/10/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
86	1810316571	Trương Thị Minh	Hiếu	K18NCD	26/02/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
87	1810315972	Lê Thị	Hương	K18NCD	06/08/1994	4.0	Bốn	
88	1810315813	Nguyễn Thiên	Lý	K18NCD	28/01/1988	8.0	Tám	
89	1810315611	Nguyễn Lê Thảo	Phương	K18NCD	08/11/1994	3.5	Ba phẩy Năm	
90	1810315112	Lê Trần Thanh	Sương	K18NCD	05/07/1993	4.0	Bốn	
91	1811315118	Nguyễn Thành	Tiên	K18NCD	12/12/1990	6.0	Sáu	
92	1811313966	Hoàng Đức Song	Toàn	K18NCD	13/02/1993	3.0	Ba	
93	1810315113	Lê Thị Thu	Thảo	K18NCD	08/11/1993	6.0	Sáu	
94	1810313799	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	K18NCD	12/09/1994	4.0	Bốn	
95	1810314668	Trương Thị Mỹ	Vy	K18NCD	28/01/1994	6.0	Sáu	
96	161215097	Trịnh Quốc	Đạt	K16XCD	15/07/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
97	1811614440	Phan Thế	Hiển	K18XCD	17/11/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
98	1811616592	Phạm Trung	Hiếu	K18XCD	18/01/1991	3.0	Ba	
99	151214584	Đinh Hoàng	Huy	K15XCD	18/05/1991	2.0	Hai	
100	1811615439	Hoàng	Lan	K18XCD	02/06/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
101	1811614448	Lê Tự	Nhật	K18XCD	10/11/1993	3.0	Ba	
102	171216319	Bùi Chánh	Quang	K17XCD	31/12/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
103	1811615444	Nguyễn Văn	Quyết	K18XCD	16/05/1993	3.5	Ba phẩy Năm	
104	161325635	Lê Anh	Tài	K18XCD	16/03/1991	1.5	Một phẩy Năm	
105	171213314	Phan Tư	Thiện	C17XCDB	19/01/1991	V	Vắng	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

106	1811615753	Phan Thanh	Toàn	K18XCD	10/12/1994	2.5	Hai phẩy Năm	
107	161216731	Trịnh Xuân	Trường	K16XCD	20/11/1992	4.0	Bốn	
108	171216376	Ngô Anh	Tuấn	K17XCD	25/10/1993	V	Vắng	
109	171213342	Phạm Phương	Vũ	C17XCDB	20/12/1991	V	Vắng	
110	1817117132	Võ Hoàng	Anh	C18TCD	12/12/1993	4.0	Bốn	
111	1811116720	Lê Mậu	Đồng	K18TCD	12/12/1993	3.5	Ba phẩy Năm	
112	1811114514	Đặng Văn	Pháp	K18TCD	26/01/1993	4.0	Bốn	
113	1811114510	Bảo Quý Anh	Tài	K18TCD	09/01/1994	3.5	Ba phẩy Năm	
114	1811113934	Hà Văn	Thuận	K18TCD	12/08/1994	6.0	Sáu	
115	1811115030	Phan Văn	Tiến	K18TCD	18/09/1994	2.5	Hai phẩy Năm	
116	1811114513	Lê Văn	Tín	K18TCD	02/08/1994	2.5	Hai phẩy Năm	
117	171445008	Phan Quốc	Anh	K17DCD	11/03/1993	2.0	Hai	
118	171445015	Dương Thị Minh	Ánh	K17DCD	16/04/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
119	171445019	Ngô Đình	Bình	K17DCD	03/07/1993	2.5	Hai phẩy Năm	
120	1810714533	Nguyễn Thị	Cầm	K18DCD	19/11/1994	4.0	Bốn	
121	171445024	Nguyễn Thị Kim	Chi	K17DCD	16/10/1992	4.0	Bốn	
122	171445027	Trần Thị Lan	Chi	K17DCD	01/07/1993	3.5	Ba phẩy Năm	
123	1811716139	Dương Tấn	Cường	K18DCD	21/03/1994	7.0	Bảy	
124	1811714559	Nguyễn Anh	Duy	K18DCD	19/04/1994	4.0	Bốn	
125	171445033	Nguyễn Phan Kỳ	Duyên	K17DCD	02/12/1993	6.0	Sáu	
126	1811715507	Nguyễn Văn	Hòa	K18DCD	25/06/1993	V	Vắng	
127	1811715048	Bùi Gia	Hoàng	K18DCD	04/09/1994	1.5	Một phẩy Năm	
128	1810714546	Phan Kim	Ngân	K18DCD	25/06/1994	2.5	Hai phẩy Năm	
129	1810715514	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K18DCD	15/08/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
130	1810715525	Phan Thị Thùy	Nhung	K18DCD	20/11/1994	9.0	Chín	
131	1811716264	Trần Văn	Phước	K18DCD		0.0	Không	
132	1811226265	Trần Văn	Quang	K18DCD	27/06/1994	2.0	Hai	
133	1810715511	Hoàng Thị Thu	Tâm	K18DCD		8.5	Tám phẩy Năm	
134	1810716143	Lê Phạm Phương	Thảo	K18DCD	25/06/1994	4.0	Bốn	
135	1811715936	Hồ Văn	Thảo	K18DCD	19/05/1994	8.0	Tám	
136	171445149	Lê Đức	Thọ	K18DCD	12/02/1993	9.3	Chín phẩy Ba	
137	1810713755	Hồ Bảo	Thoa	K18DCD	16/11/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
138	1810715520	Trịnh Hoàng Hoài	Thương	K18DCD	05/01/1994	7.0	Bảy	
139	171445168	Trần Thủy	Tiên	K17DCD	09/09/1993	6.0	Sáu	
140	1810716495	Nguyễn Thị Huyền	Trân	K18DCD	28/04/1994	3.0	Ba	
141	171445186	Nguyễn Đoàn Thanh	Trúc	K17DCD	05/09/1992	6.0	Sáu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

142	171443430	Ngô Minh Mỹ	Uyên	C17DCDB	26/03/1991	5.5	Năm phẩy Năm	
143	1810515808	Đặng Thị Ngọc	Hiền	K18YCD	15/02/1994	6.0	Sáu	
144	1810515605	Trần Mai	Hương	K18YCD	11/11/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
145	1810515610	Trần Thị Hoài	Như	K18YCD	18/03/1994	7.0	Bảy	
146	1810513963	Phan Thị Thanh	Thúy	K18YCD	06/08/1993	6.0	Sáu	
147	1810516506	Tăng Thị	Thủy	K18YCD	16/04/1993	5.5	Năm phẩy Năm	
148	1811225804	Ông Quốc	Cường	K18PSU-QC	15/01/1993	7.0	Bảy	
149	1810225583	Đặng Thị Minh	Châu	K18PSU-QC	20/04/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
150	1810224620	Phạm Thị Bích	Sang	K18PSU-QC	28/05/1993	3.8	Ba phẩy Tám	
151	1810224643	Nguyễn Phương	Thảo	K18PSU-QC	05/11/1994	9.0	Chín	
152	1810225083	Lê Thị Hồng	Vân	K18PSU-QC	21/01/1994	8.0	Tám	
153	1810715552	Dương Thị Thảo	Dung	K18PSU-DC	28/09/1994	6.0	Sáu	
154	1810715538	Võ Thị Đồng	Hạ	K18PSU-DC	18/05/1994	7.0	Bảy	
155	1810714591	Nguyễn Thị	Hậu	K18PSU-DC	14/10/1994	6.0	Sáu	
156	171576587	Nguyễn Thị Thu	Hiền	K17PSU_DC	23/02/1993	8.0	Tám	
157	1811713748	Lê Nguyễn Anh	Hoàng	K18PSU-DC	09/05/1994	7.0	Bảy	
158	1810714596	Phạm Thị Lan	Hương	K18PSU-DC	14/05/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
159	1810713944	Phạm Thị Tuyết	Kha	K18PSU-DC	17/05/1994	7.0	Bảy	
160	1810714601	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	K18PSU-DC	12/10/1993	9.0	Chín	
161	1810714598	Thái Thùy	Linh	K18PSU-DC	24/03/1993	7.5	Bảy phẩy Năm	
162	1810715540	Đinh Thị Thúy	Quỳnh	K18PSU-DC	03/06/1994	V	Vắng	
163	1810224635	Nguyễn Lê Linh	Tùng	K18PSU-DC	20/03/1993	7.0	Bảy	
164	1810714599	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	K18PSU-DC	28/01/1994	3.0	Ba	
165	1810715539	Nguyễn Thị Như	Thủy	K18PSU-DC	09/09/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
166	1810715543	Lữ Lâm	Thy	K18PSU-DC	19/10/1993	9.5	Chín phẩy Năm	
167	171446736	Phan Thị Thanh	Trang	K17PSU_DC	31/07/1993	8.0	Tám	
168	1810713771	Phan Thị Tổ	Uyên	K18PSU-DC	18/11/1994	V	Vắng	
169	1810214491	Lưu Thị Lý	Duyên	K18PSU-KC	26/01/1994	5.5	Năm phẩy Năm	
170	1810213930	Hoàng Thị Thu	Hà	K18PSU-KC	17/09/1994	6.0	Sáu	
171	1810213928	Nguyễn Phước	Hằng	K18PSU-KC	10/07/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
172	1810215022	Lê Thị	Hiền	K18PSU-KC	10/11/1993	8.0	Tám	
173	1810214490	Lê Hoàng Kim	Khánh	K18PSU-KC	06/07/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
174	1811215480	Phạm Duy Hoàng	Khoa	K18PSU-KC	20/02/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
175	1810213931	Nguyễn Hoàng Thúy	Lam	K18PSU-KC	20/12/1994	7.0	Bảy	
176	1810214499	Đỗ Thị Phương	Linh	K18PSU-KC	28/05/1994	7.0	Bảy	
177	1810215025	Vương Thị Ngọc	Linh	K18PSU-KC	21/09/1994	8.0	Tám	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
HỘI ĐỒNG THI & XÉT CNTN

KỲ THI TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12/2015
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
MÔN THI : KIẾN THỨC KH MAC LÊNIN & TTHCM

178	1810215484	Trần Nguyễn Băng	Tâm	K18PSU-KC	22/10/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
179	1811214497	Đoàn Thị Hải	Tân	K18PSU-KC	03/06/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
180	1810214494	Lê Thị Thanh	Thảo	K18PSU-KC	23/06/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
181	1810214489	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	K18PSU-KC	04/12/1994	9.5	Chín phẩy Năm	
182	171326782	Đặng Hoài	Thương	K17PSU_KC	07/07/1993	8.5	Tám phẩy Năm	
183	1810214452	Nguyễn Thị Huyền	Trang	K18PSU-KC	10/09/1994	6.3	Sáu phẩy Ba	